

**UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:868/LĐTBXH-TE&BDG

*Quảng Trị, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

V/v báo cáo đánh giá kết quả thực hiện  
Quyết định số 2361/QĐ-TTg và Dự án 2  
thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của  
Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

- UBMTTQVN tỉnh
- Tỉnh đoàn
- Hội LHPN tỉnh
- Các Sở: Kế hoạch – Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin – Truyền thông, Nội vụ, Y tế, Công an tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố

Thực hiện Công văn số 1589/LĐTBXH-TE, ngày 07/5/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Công văn số 2053/UBND-VX, ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg và Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị các Sở, ban, ngành liên quan cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg và Dự án 2 về phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (có đề cương và biểu mẫu kèm theo).

- Tổng hợp kết quả và gửi báo cáo về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới), đồng thời gửi vào email: [tuananhtruongqt@gmail.com](mailto:tuananhtruongqt@gmail.com) trước ngày **26/5/2020** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thông tin xin đề nghị hệ qua số điện thoại: 0233.3852.741/0914184664./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng LĐTBXH các huyện,tx,tp (t/h);
- GD, PGD phụ trách (đ/b);
- Lưu: VT, TE&BDG.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Thắng**

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

### I. Mục đích, yêu cầu

1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 2361/QĐ-TTg) và Dự án 2 Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 565/QĐ-TTg).

a) Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của 02 Quyết định  
b) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động của 02 Quyết định và kết quả tác động đến việc đáp ứng các yêu cầu bảo vệ trẻ em.

c) Rút ra bài học kinh nghiệm.

2. Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác bảo vệ trẻ em, thông qua việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021 - 2025.

### II. Nội dung đánh giá

#### 1. Đánh giá công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện 02 Quyết định

a) Nội dung thực hiện

(i) Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện 02 Quyết định  
- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, kế hoạch của địa phương (cấp tỉnh);

- Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hàng năm.

(ii) Nguồn lực thực hiện

- Ngân sách địa phương;

- Vận động: Nguồn từ các tổ chức, của cộng đồng;

- Mức độ đáp ứng của ngân sách so với mục tiêu của 02 Quyết định.

(iii) Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát và báo cáo

- Công tác kiểm tra, thanh tra và hỗ trợ kỹ thuật của địa phương;

- Công tác báo cáo giữa các cấp.

b) Kết quả tác động đến tiến độ, khối lượng, chất lượng, nội dung, hoạt động của 02 Quyết định.

#### 2. Đánh giá việc triển khai, thực hiện các nội dung thuộc 02 Quyết định

**2.1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và bản thân trẻ em.**

(i) Nội dung thực hiện

- Nghiên cứu, xây dựng và quảng bá các Quyết định, sản xuất các tài liệu, sản phẩm truyền thông về bảo vệ trẻ em, số lượng các sản phẩm.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông theo chủ đề, thường niên (nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về bảo vệ trẻ em đã được chuyển tải; các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội đã được thực hiện...);

- Các hoạt động truyền thông trực tiếp được tổ chức tại cộng đồng, trường học (nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về bảo vệ trẻ em đã được chuyển tải; các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội đã được thực hiện...);

(ii) Đánh giá kết quả thực hiện và tác động

- Khả năng đáp ứng, sự phù hợp giữa nội dung truyền thông với nhu cầu của các nhóm đối tượng xã hội;

- Khả năng tiếp cận với các hình thức/kênh truyền thông của các nhóm đối tượng;

- Những tác động của truyền thông, giáo dục, vận động xã hội đối với việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm, kỹ năng về bảo vệ, chăm sóc trẻ em của gia đình, cộng đồng xã hội và trẻ em.

## **2.2. *Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.***

(i) Nội dung thực hiện

a) *Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực làm công tác bảo vệ trẻ em*

- Củng cố, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động ban chỉ đạo, ban điều hành, nhóm công tác liên ngành về bảo vệ trẻ em cấp tỉnh, huyện, ban bảo vệ trẻ em cấp xã (thành lập, phân công nhiệm vụ, kế hoạch và nội dung hoạt động, phương thức hoạt động, điều kiện hoạt động của hệ thống tổ chức này...);

- Củng cố đội ngũ công chức, viên chức làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp, đặc biệt là người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã (số lượng, chính sách, chất lượng); đội ngũ cộng tác viên bảo vệ trẻ em thôn, bản (số lượng cộng tác viên, số lượng xã, huyện có cộng tác viên, chính sách cho cộng tác viên);

b) *Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em*

- Đánh giá nhu cầu cần nâng cao năng lực của các nhóm đối tượng;

- Quyết định, kế hoạch đào tạo/tập huấn đã được nghiên cứu, xây dựng;

- Số lượng các lớp tập huấn đã được tổ chức cho các nhóm đối tượng (cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở địa phương; cán bộ cung cấp dịch vụ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã và đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên); số lượng cán bộ, cộng tác viên được tập huấn nâng cao năng lực; nội dung tập huấn cơ bản cho từng lớp, từng đối tượng;

- Số lượng các lớp tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em; số lượng lượt người được tập huấn/truyền thông; nội dung tập huấn;

- Số lượng các lớp tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em; số trẻ em được tập huấn/truyền thông; nội dung tập huấn;

(ii) Kết quả tác động

- Đánh giá khả năng đáp ứng của công tác tập huấn so với nhu cầu, năng lực của đối tượng được tập huấn;

- Đánh giá chất lượng đào tạo/tập huấn;

- Đánh giá khả năng đáp ứng được nhu cầu công tác bảo vệ trẻ em tại địa phương của đội ngũ cán bộ;

- Đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác trẻ em tại địa phương.

- Đánh giá tác động về thay đổi nhận thức, chuyển đổi hành vi bảo vệ trẻ em của cha mẹ, người chăm sóc trẻ em; kỹ năng phòng ngừa nguy cơ bị xâm hại, tự bảo vệ của trẻ em.

## **2.3. *Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên nghiệp, có đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu cần sự bảo vệ của mọi trẻ em***

a) Việc thành lập và cơ chế hoạt động của các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh, huyện; Văn phòng tư vấn; Điểm tham vấn cộng đồng, trường học...)

b) Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em cho Trung tâm công tác xã hội trẻ em hoặc hợp phần trẻ em trong Trung tâm công tác xã hội.

- Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp, kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em:

- + Tổng số Trung tâm công tác xã hội trẻ em/trung tâm công tác xã hội được hỗ trợ trong giai đoạn 2016 -2020;
- + Liệt kê chi tiết danh mục hỗ trợ đối với các trung tâm (có danh mục của địa phương kèm theo)
  - Hỗ trợ duy trì hoạt động cung cấp, kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em
  - + Đối với Trung tâm công tác xã hội trẻ em hoặc hợp phần trẻ em trong Trung tâm công tác xã hội
    - . Tổng số Trung tâm công tác xã hội trẻ em/trung tâm công tác xã hội được hỗ trợ trong giai đoạn 2016 -2020;
    - . Liệt kê chi tiết danh mục hỗ trợ đối với các trung tâm (có danh mục của địa phương kèm theo)
      - + Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện hoặc văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện để triển khai mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo 3 cấp độ
        - . Tổng số cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em/văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện được hỗ trợ trong giai đoạn 2016 -2020
        - . Liệt kê chi tiết các mục hỗ trợ đối (có danh mục của địa phương kèm theo)
- c) Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em
  - Đánh giá việc cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo 03 cấp độ: phòng ngừa trẻ em bị xâm hại, trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em; can thiệp, trợ giúp trẻ em và gia đình trẻ em bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại; hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.
    - Đánh giá việc kết nối, thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý liên cấp, liên ngành thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em (bao gồm cả việc kết nối với Tổng đài 111);
    - Đánh giá việc lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp cho trẻ em bị xâm hại và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (theo quy định tại Điều 52 Luật trẻ em và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)
    - Đánh giá hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;
    - Đánh giá vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đặc biệt sự phối hợp, chuyên tuyến trong việc tham gia cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.
- d) Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
  - Đánh giá nội dung thực hiện
    - + Nhu cầu cần hỗ trợ, can thiệp của từng nhóm đối tượng (trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt)
    - + Điều kiện thực hiện mô hình
    - + Số lượng xã/phường; quận/huyện xây dựng mô hình
    - + Số đối tượng hưởng lợi
    - + Nội dung hoạt động cụ thể (*theo Công văn số 765/TE-KHTH ngày 05/12/2017 hướng dẫn chi tiết một số hoạt động thuộc Dự án phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em năm 2017 và Công văn số 20/TE-KHTH ngày 11/01/2019 hướng dẫn triển khai Dự án phát triển hệ thống bảo vệ thuộc CTMT Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội năm 2019*)
  - + Nguồn kinh phí cho từng mô hình hằng năm và cho cả giai đoạn 2016-2010 (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương)

+ *Kết quả đạt được*  
- Kết quả tác động đến từng nhóm đối tượng nêu trên  
- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (đánh giá giai đoạn 2016- 2019, ước thực hiện 2020.

e) Duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em

- Đánh giá tình hình vận hành, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em;

- Đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em các cấp: Số lượt người được đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2016 – 2020.

ii) *Kết quả tác động*

- Đánh giá khả năng đáp ứng của Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em với nhu cầu bảo vệ trẻ em của địa phương.

### **3. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đầu kỳ**

a) Đánh giá tác động của việc thực hiện các giải pháp của 02 Quyết định

b) Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu/mục tiêu đã đề ra (phụ lục số 01, 02 kèm theo).

- Các mục tiêu, chỉ tiêu đạt so với Kế hoạch;

- Các mục tiêu, chỉ tiêu không đạt so với Kế hoạch.

### **4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện**

a) Những khó khăn, vướng mắc

b) Nguyên nhân

c) Dự báo những thách thức đối với công tác bảo vệ trẻ em

### **5. Bài học kinh nghiệm**

a) Chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn

b) Phối hợp thực hiện

c) Phân bổ nguồn lực (tài chính, con người)

d) Vận động xã hội

đ) Bài học khác

### **6. Đề xuất, kiến nghị**

Trên cơ sở kết quả đạt được, những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 và tình hình thực tiễn của địa phương, đề xuất các mục tiêu, nội dung, hoạt động, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng của công tác bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021-2025:

a) Bổ sung, sửa đổi pháp luật, chính sách

b) Cơ cấu tổ chức, nhân lực

c) Dịch vụ bảo vệ trẻ em

d) Phân bổ kinh phí

đ) Phối hợp liên ngành

e) Mạng lưới xã hội về bảo vệ trẻ em

g) Giám sát, đánh giá

h) Kiến nghị khác./.

**PHỤ LỤC SỐ 01**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu, hoạt động</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Ước thực hiện 2020</b>	<b>Tổng</b>
<b>I</b>	<b>Truyền thông giáo dục và vận động xã hội</b>							
1	Số lượng các Chương trình phát thanh, truyền hình	chương trình						
2	Số lượng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo	Chuyên trang, chuyên mục						
3	Số lượng các ấn phẩm truyền thông được sản xuất, nhân bản	đầu sản phẩm						
4	Số lượng các cuộc thi, hội trại được tổ chức	cuộc thi						
5	Hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội tại cộng đồng							
5.1	Số lượt phát thanh tại cộng đồng	lượt						
5.2	Tổ chức nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ							
	Số buổi	buổi						
	Số lượt người tham gia	người						
5.3	Số lượng Pano, áp phích được xây dựng	Chiếc						
6	Số lượng các hình thức truyền thông khác							
7	Số lượng người được tiếp cận các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội	người						
<b>II</b>	<b>Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVTE, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em</b>							

8	Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ trẻ em cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp							
8.1	Cán bộ cấp tỉnh							
	Số lớp	Lớp						
	Số lượt người tham gia	Người						
8.2	Cán bộ cấp huyện							
	Số lớp	Lớp						
	Số lượt người tham gia	Người						
9	Số lớp/số cán bộ cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn về kỹ năng bảo vệ trẻ em							
	Số lớp	Lớp						
	Số lượt người tham gia	Người						
10	Số lớp/ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được tập huấn, truyền thông chuyên đổi hành vi, cung cấp kỹ năng BVTE							
	Số lớp	lớp						
	Số lượt người được tập huấn/truyền thông	người						
11	Số lớp/số trẻ em được tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ							
	Số lớp	lớp						
	Số lượt trẻ em được tập huấn/truyền thông	người						
<b>III</b>	<b>Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ</b>							
<b>12</b>	<b>Củng cố nhân lực trong hệ thống</b>							
12.1	Huyện/TX/TP có Quyết định thành lập Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không						

12.2	Huyện/TX/TP đã có Quyết định thành lập Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em huyện	Có/không						
12.3	Số xã có quyết định thành lập Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã						
12.4	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã						
12.5	Tổng số cộng tác viên thôn, bản	người						
12.6	Số xã có người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	người						
<b>13</b>	<b>Phát triển các loại hình/cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em</b>							
13.1	Số TTCTXH/TTCTXH TE cấp tỉnh	trung tâm						
	Số TTCTXH/TTCTXH TE được hỗ trợ cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp kết nối BVBVTE	trung tâm						
	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất	nghìn đồng						
	Kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động cung cấp kết nối BVTE	nghìn đồng						
13.2	Số văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em/ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện	văn phòng/cơ sở						
	Số văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em/ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện được hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động cung cấp dịch vụ BVTE	văn phòng/cơ sở						
	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất	nghìn đồng						
	Kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động cung cấp DV BVTE	nghìn đồng						
13.3	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm						



13.4	Số điểm tư vấn trường học	Điểm						
13.5	Số lượng cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (gồm các loại hình: cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập) theo cấp quản lý tỉnh/huyện/xã	cơ sở						
13.6	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kiến thức/kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ	Có/không						
	Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	lớp						
	Số cán bộ làm việc trong Hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	người						
<b>14</b>	<b>Hỗ trợ/can thiệp cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt</b>							
14.1	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	trẻ em						
14.2	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	trẻ em						
14.3	Số trẻ em được trợ giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân	trẻ em						
14.4	Số trẻ em được lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (theo quy định tại Điều 52 Luật Trẻ em 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)	trẻ em						
14.5	Số cha, mẹ được trợ giúp nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em	cha mẹ						
<b>IV</b>	<b>Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có HCĐB</b>							
15	Mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ							
15.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện						

15.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
15.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng						
16	Mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp CSSK, giáo dục, TGPL và DCXHCB được hỗ trợ							
16.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện						
16.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
16.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng						
17	Mô hình chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt							
17.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện						
17.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
17.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng						
<b>V</b>	<b>Duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em</b>							
18	Kinh phí duy trì, vận hành CSDL, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em	nghìn đồng						
19	Số khóa/lớp tập huấn cho người thu thập và cập nhật thông tin lên phần mềm	Khóa						
20	Số lượt người được tập huấn thu thập thông tin, cập nhật thông tin	lượt						
21	Kinh phí tập huấn	nghìn đồng						

**PHỤ LỤC 02**

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện tỉnh/thành phố					Ghi chú
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước kết quả năm 2020	
(1)	(2)	(3)			(5)	(6)	(7)	(8)
1	Tổng số trẻ em							
	Nam	trẻ em						
	Nữ	trẻ em						
2	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt							
	Số lượng	trẻ em						
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em	%						
3	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi							
	Số lượng	trẻ em						
	Tỷ lệ so với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	%						
4	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc							
	Số lượng	trẻ em						
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	%						
5	Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và trợ giúp							
	Số lượng	trẻ em						
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	%						
6	Trẻ em bị xâm hại							
	Trẻ em bị xâm hại tình dục	trẻ em						
	Trẻ em bị bạo lực	trẻ em						

	Trẻ em bị mua bán	trẻ em						
	Trẻ em bị các hình thức xâm hại khác	trẻ em						
	Trẻ em được phát hiện bị xâm hại được lập kế hoạch can thiệp, trợ giúp	trẻ em						
7	Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại (trẻ em có cha mẹ ly hôn, trẻ em khuyết tật, trẻ em tự kỷ, trẻ em trong các cơ sở nuôi dưỡng (cơ sở Bảo trợ xã hội, cơ sở tôn giáo, trường giáo dưỡng, làng SOS))							
	Số lượng	trẻ em						
	Số trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được hỗ trợ, can thiệp	trẻ em						
8	Tổng số cha, mẹ, người trực tiếp chăm sóc trẻ có kỹ năng cơ bản về bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp)	người						
9	Tổng số cán bộ làm việc với trẻ em ở cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có kỹ năng cơ bản về bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp).	người						
10	Tổng số trẻ em ở trường học có kỹ năng cơ bản tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ xâm hại, bạo lực.	trẻ em						
11	Tổng số trẻ em ở các cơ sở trợ giúp xã hội có kỹ năng cơ bản tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ xâm hại, bạo lực.	trẻ em						
12	Tổng số xã có Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động	xã						
13	Tổng số huyện có Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động	huyện						
14	Số trẻ em được hỗ trợ kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế	trẻ em						
15	Số trẻ em được nhận chăm sóc thay thế	trẻ em						